

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-PT

Ngày 18 – 01 – 2019

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán:

Ông Trịnh Minh Tự

Ông Ngô Đề

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Bà Trần Hương Thủy, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về “tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2018/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2019/QĐ - PT ngày 02 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị M, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Dương Thị M: anh Lý Quốc H, sinh năm 1985, theo văn bản ủy quyền ngày 24/01/2018. (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị Trần Thị L, sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị H là bị đơn kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị M và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Lý Quốc H là người đại diện hợp pháp cho bà Dương Thị M trình bày: Vào ngày 16/02/2014 âm lịch bà Dương Thị M có tham gia chơi hội do bà Nguyễn Thị H làm đầu thảo loại hội 5.000.000đồng, khai theo vụ lúa, số người tham gia góp hội gồm 13 người. Trong đó, bà M tham gia 1 phần, lần khai thứ nhất là ngày 16/02/2014 do hội viên tên HT bỏ thăm 2.200.000đồng, nên bà M đóng hội sống cho bà H bằng 2.800.000đồng, lần thứ hai hội viên tên ST (tức bà Nguyễn Thị H) bỏ thăm 2.060.000đồng, bà M đóng hội sống bằng 2.940.000đồng, lần thứ 3 hội viên Tư P kêu 2.350.000đồng bà M đóng hội sống là 2.650.000đồng, lần thứ tư hội viên tên Chú Thảo N kêu 2.650.000đồng bà M đóng sống 2.350.000đồng. Đến lần thứ năm bà M có đến nhà bà H để bỏ thăm khai hội để hốt thì bà H không cho bà M bỏ thăm hốt hội, bà M yêu cầu bà H phải có trách nhiệm trả cho bà M số tiền hội đã đóng 10.740.000đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà có làm đầu thảo dây hội ngày 16/02/2014 âm lịch loại hội 5.000.000đồng, khai theo vụ lúa, bà có kêu bà M tham gia một phần, do giữa bà M với L là con gái của bà và là con dâu của bà M hùn chơi một phần nên trong danh sách hội viên bà ghi tên là Chị Sui Út L, ở lần khai hội thứ nhất chị HT kêu 2.200.000đồng nên bà có đến nhà của bà M để gom hội, thì bà M có nói với bà ai chơi thì để một người chơi thôi, nên bà M không có tham gia mà chỉ có một mình Trần Thị L tham gia và ở lần thứ nhất Trần Thị L có đóng cho bà số tiền hội là 2.800.000đồng, lần khai thứ hai hội viên S tức là bà bỏ thăm 2.060.000 đồng, lần khai thứ ba hội viên Tư P bỏ thăm 2.350.000 đồng, lần khai thứ tư chú Thảo N bỏ thăm 2.650.000đồng, lần khai thứ năm hội viên Xuân B bỏ thăm 2.800.000đồng, từ lần khai thứ hai đến lần khai thứ năm chị L không có tiền đóng hội nên bà đã phải đóng hội sống thay cho chị L, lần khai thứ sáu chị L bỏ thăm hội hốt và hoàn trả lại cho bà số tiền hội mà bà đã đóng thay cho chị L. Dây hội này lúc đầu chỉ có 13 hội viên sau khi bỏ thăm khai hội lần thứ nhất và lập danh sách hội viên giao cho các hội viên thì có thêm một hội viên tên H1 nên dây hội này là 14 hội viên. Dây hội này bà M không có tham gia nên bà không đồng ý theo yêu cầu của bà M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị L vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nhưng có lời khai chị L trình bày: Vào ngày 16/02/2014 âm lịch mẹ ruột chị tức bà Nguyễn Thị H có tổ chức khai dây hội loại hội 5.000.000đồng, bà H có rủ chị cùng tham gia, do lúc đó chị còn ở chung với mẹ chồng là Dương Thị

M, nên chị có nói với bà M là chị với bà M hùn chơi một phần, vì một mình đóng quá nhiều, chị không có tiền để đóng và bà M cũng đồng ý, sau khi khai hội lần đầu tiên bà H có đi gom hội, chị có nói với bà M hùn tiền đóng thì bà M nói hùn chơi chung như vậy là rất khó, ai chơi thì chơi một phần thôi nên bà M không có tham gia mà chỉ có một mình chị tham gia nên chị đã đóng hội sống cho mẹ chị ở lần khai hội đầu tiên là 2.800.000đồng. Từ lần khai thứ hai đến lần khai thứ năm chị không đóng hội cho bà H mà do bà H tự xuất tiền ra đóng hội thay cho chị, chị không biết cụ thể bà H đóng thay cho chị bao nhiêu, đến lần khai thứ 6 thì chị giao hội cho bà H bỏ thăm hốt để lấy tiền trả cho bà H mà bà H đã đóng thay cho chị, bà H có trả cho chị số tiền hội đã đóng ở lần khai hội đầu tiên bằng 2.800.000đồng, từ đó về sau chị giao hội cho bà H và không tham gia nữa. Nay chị không yêu cầu tranh chấp gì trong vụ án này, việc tranh chấp tiền hội giữa bà H với bà M để hai bên tự giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2018/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 479 Bộ luật dân sự 2005;

Áp dụng Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị M

Buộc bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Dương Thị M số tiền hội 04 lần bằng 10.740.000đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, bà Nguyễn Thị H là bị đơn kháng cáo: bà H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị M yêu cầu bà trả số tiền hội 04 lần với số tiền 10.740.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện nguyên đơn ông Lý Quốc H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới tại phiên tòa.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố

tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tranh tụng công khai tại phiên tòa xét thấy: Bà M cho rằng có đóng hụi cho bà H 4 lần bằng số tiền 10.740.000đồng nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh bà M đã đóng số tiền trên, bà M cũng không tham gia đi khai hụi. Từ những căn cứ trên, không có căn cứ để khẳng định rằng bà M có tham gia chơi hụi và đã đóng tiền cho bà H số tiền 10.740.000đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H còn trong hạn pháp luật quy định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị M về việc buộc bà phải trả cho bà M số tiền hụi 04 lần với số tiền 10.740.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị L thừa nhận vào ngày 16/02/2014 âm lịch bà Nguyễn Thị H có mở dây hụi 5.000.000đồng, khai theo vụ lúa một năm khai 3 lần số người tham gia mặc dù theo đơn khởi kiện ghi 13 người nhưng quá trình tố tụng bà M thừa nhận có 14 người. Như vậy số người chơi hụi hai bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh.

Anh H là người đại diện cho bà M cho rằng bà có tham gia một phần đóng được 4 lần hụi sống số tiền là 10.740.000đồng bà H có giao cho bà danh sách hụi vào lần gom tiền lần khai thứ nhất. Trong 4 lần bà chỉ tham gia đi khai ở kỳ khai lần đầu còn lại 3 lần tiếp sau đó bà không đi khai hụi, việc đóng tiền hụi là bà M trực tiếp đóng hụi cho bà H. Nhưng bà H cho rằng lúc chưa khai hụi thì bà M và con dâu bà M chị Loan có hùn chơi 01 phần nhưng sau khi khai hụi lần đầu bà đến gặp bà M gom hụi thì bà M không chơi nên chị L chơi một mình và chị L đóng hụi cho bà lần đầu số tiền 2.800.000đồng, từ lần khai thứ hai trở về sau do chị L là con bà không có tiền nên bà H trực tiếp bỏ tiền ra đóng, bà H không nhận tiền từ bà M và bà M cũng không có trực tiếp lần nào đi khai hụi đến lần thứ 5 bà M đến đòi bỏ thăm khai hụi bà không cho nên hai bên cãi nhau. Bà M khởi kiện đòi bà H trả 4 lần hụi đã đóng cho bà H với số tiền 10.740.000đồng, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bà H có đưa danh sách hụi cho bà M mà bà M cung cấp cho

Tòa án trong đó có tên Chị sui út L và lời khai của các hội viên họ đều khẳng định chỉ thấy tên trong sách hội còn việc bà M là ai và có tham gia chơi hội hay không thì họ không biết và sự việc cãi nhau giữa bà H và bà M ở lần khai hội thứ 5 mà bà H không cho bà M khai hội để xác định bà M có tham gia chơi hội và đóng hội cho bà H để buộc bà H trả cho bà M 10.740.000 đồng mà không xem xét đến các chứng cứ khác là chưa đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ của vụ kiện theo quy định của pháp luật. Bởi lẽ theo quy định của pháp luật dân sự tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 79 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 thì bà M là người khởi kiện phải có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu của bà là có căn cứ, nhưng bà M không chứng minh được bút tích gì của bà H là có nhận số tiền hội nêu trên và cũng không có người chứng kiến, bà M cũng không đi khai hội, trong khi bà H không thừa nhận bà M có tham gia chơi hội và đóng hội cho bà H và trong quá trình khởi kiện tham gia tố tụng bà M cũng không khẳng định cụ thể trong đây hội này có 13 hay 14 người, đều đó chứng tỏ bà M không có tham gia chơi hội là có căn cứ. Do không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M nên việc bà H kháng cáo là có căn cứ chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên xét xử phúc thẩm phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án và nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không bị cải sửa có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 479 Bộ luật dân sự 2005

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2006/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện huyện C, tỉnh Trà Vinh;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị M yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Dương Thị M số tiền hụi bằng 10.740.000đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Dương Thị M phải nộp 537.000đ (Năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng), nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà M đã nộp 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015257 ngày 10/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh, vậy bà M còn phải nộp tiếp án phí 37.000đ (Ba mươi bảy nghìn đồng).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm nên Bà H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019190 ngày 15/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh .

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không sửa đổi, bổ sung có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Thành